



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Hà Nam, tháng 3 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	1-2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3-4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8-9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Khang Minh Group (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Các thành viên của Ban Lãnh đạo công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên	Chức danh
- Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch
- Ông Lê Hoài An	Ủy viên
- Ông Phạm Sĩ Giang	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Tiềm	Ủy viên
- Ông Trần Hải Long	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên	Chức danh
- Ông Lê Hoài An	Giám đốc
- Bà Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên	Chức danh
- Bà Nguyễn Thị Thu	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Đặng Thị Bắc	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng, có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Số: 349/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : **Quý cổ đông**
 Ban Lãnh đạo
 Công ty Cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25/03/2020 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Tài Dũng**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 07/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network***Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2020*

Nguyễn Trung Khánh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

Mẫu số B 01-DN/HN
 (Ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.693.293.030	162.120.152.058
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	29.280.928.293	44.933.057.510
1. Tiền	111		29.280.928.293	44.933.057.510
III. Các khoản phải thu	130		97.396.292.911	77.246.529.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	83.707.292.821	68.253.897.421
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.228.999.057	9.118.337.863
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	10.835.653.888	144.080.497
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(375.652.855)	(269.785.886)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	31.112.848.764	17.373.479.073
1. Hàng tồn kho	141		31.112.848.764	17.373.479.073
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26.903.223.062	22.567.085.580
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	1.173.843.010	1.409.942.404
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.370.653.782	4.451.829.658
3. Thuế và các khoản phải thu NN	153	V.12	16.358.726.270	16.705.313.518
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			128.612.760.758	92.256.430.284
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			43.479.425
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04		43.479.425
II. Tài sản cố định	220		102.048.442.205	72.284.992.561
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	102.048.442.205	72.284.992.561
- Nguyên giá	222		150.928.151.840	109.321.609.868
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.879.709.635)	(37.036.617.307)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.192.786.882	5.976.807.240
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	6.192.786.882	5.976.807.240
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	-	750.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	253		-	750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20.371.531.671	13.201.151.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	20.371.531.671	13.201.151.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		313.306.053.788	254.376.582.342

Mẫu số B 01-DN/HN
(Ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		143.128.442.683	86.918.625.058
I. Nợ ngắn hạn	310		107.935.269.286	71.081.706.157
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	49.412.821.065	24.494.645.891
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.825.108.070	2.760.459.893
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.12	3.856.694.577	3.250.143.335
4. Phải trả người lao động	314		1.457.313.655	1.125.580.554
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.698.856.749	696.809.706
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	49.684.475.170	38.754.066.778
II. Nợ dài hạn	330		35.193.173.397	15.836.918.901
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	35.193.173.397	15.836.918.901
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		170.177.611.105	167.457.957.284
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	170.177.611.105	167.457.957.284
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		148.837.090.000	141.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.706.059.091	8.711.059.091
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		12.634.462.014	16.996.898.193
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		313.306.053.788	254.376.582.342

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

Mẫu số B 02-DN/HN
(Ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	155.881.161.908	127.834.987.410
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20.629.200	103.854.920
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		155.860.532.708	127.731.132.490
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	132.101.968.479	107.228.073.571
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		23.758.564.229	20.503.058.919
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	92.358.741	3.786.740
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	5.806.537.006	3.994.733.094
- Trong đó: Chi phí lãi vay			5.591.588.391	3.994.733.094
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kế	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	5.829.848.883	4.933.111.999
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	6.753.655.343	4.569.528.410
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.460.881.738	7.009.472.156
12. Thu nhập khác	31	VI.07	1.016.000.000	70.000.000
13. Chi phí khác	32	VI.08	2.250.320.354	933.630.895
14. Lợi nhuận khác	40		(1.234.320.354)	(863.630.895)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.226.561.384	6.145.841.261
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	1.605.267.835	1.552.399.627
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.621.293.549	4.593.441.634
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.724.653.821	4.593.441.634
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(103.360.272)	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	192	380

Người lập biểu

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

Mẫu số B 03-DN/HN
 (Ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	4.226.561.384	6.145.841.261
2 Điều chỉnh cho các khoản		17.670.751.945	13.012.657.742
- Khấu hao TSCĐ	02	12.080.973.160	8.706.473.772
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.809.606)	(73.786.740)
- Chi phí lãi vay	06	5.591.588.391	4.379.970.710
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu	08	21.897.313.329	19.158.499.003
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(25.000.367.078)	(26.027.562.366)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(13.739.369.691)	(217.291.586)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả,	11	25.870.286.529	6.599.099.266
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(6.934.281.219)	1.214.741.840
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.591.588.391)	(4.379.970.710)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(1.552.399.627)	(1.872.247.157)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.480.986.989)	
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.531.393.137)	(5.524.731.710)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	(38.906.508.574)	(43.522.779.687)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.114.300.000	70.000.000
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(367.000.000)	
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	750.000.000	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.809.606	3.786.740
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.407.398.968)	(43.448.992.947)

Mẫu số B 03-DN/HN
(Ban hành kèm theo Thông tư 202/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm 2019	Năm 2018
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	99.000.000.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	165.831.086.990	96.179.154.206
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(135.544.424.102)	(105.785.305.177)
3 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	30.286.662.888	89.393.849.029
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(15.652.129.217)	40.420.124.372
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	44.933.057.510	4.512.933.138
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.280.928.293	44.933.057.510

Người lập biểu

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Khang Minh Group được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Theo Giấy chứng nhận này:

Tên công ty:

- Viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Viết bằng tiếng nước ngoài: Khang Minh Group Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 148.837.090.000 đồng (một trăm bốn mươi tám tỷ, tám trăm ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)

Mệnh giá: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 14.175.000 (cp)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty trong kỳ là sản xuất gạch không nung các loại; gạch ốp lát cao cấp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có hai công ty con.

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Địa chỉ
Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	100	100	Thôn Tân Lâm, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam
Công ty CP Đá Quý Khang Minh	79%	79%	SH19, Mạc Thái Tổ, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội

Theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-KM-2019 ngày 27/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Khang Minh Group, Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đã góp tại Công ty CP Đá quý Khang Minh. Trong năm 2019, Công ty đã hoàn thiện các thủ tục kế toán về việc thoái 100% vốn tại Công ty CP Đá Quý Khang Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019. Việc kiểm soát này đạt được khi công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản tại ngày kết thúc năm tài chính.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.
- Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

8. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Các quỹ: việc trích lập các quỹ theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...,) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính ;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

22. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

24. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung cùng địa bàn. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính nói chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Đồng

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền mặt	28.706.400.087	9.300.752.520
Tiền gửi ngân hàng	574.528.206	35.632.304.990
Tổng cộng	29.280.928.293	44.933.057.510

02. Phải thu khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	83.707.292.821	68.253.897.421
Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.098.230.713	2.098.230.713
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Long Hải	3.098.626.945	540.327.903
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 2	437.814.560	542.898.560
Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	981.811.358	2.299.645.915
Công ty TNHH Hồng Hạnh	2.093.424.444	1.535.804.444
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại MHDI 10	1.787.180.025	2.029.991.959
Công ty Cổ phần TSQ Techco	1.734.293.272	2.164.293.272
Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	11.615.485.151	11.946.106.472
Công ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Hoàng Thành	2.360.402.896	3.513.219.272
Công ty CP Xây dựng Đất Việt Xanh	6.650.643.850	-
Công ty TNHH Việt Thương Mại và Xuất nhập khẩu	2.673.300.000	-
Công ty CP ĐT VLXD Khang Minh	2.571.861.894	-
Đối tượng khác	45.604.217.713	41.583.378.911
Tổng cộng	83.707.292.821	68.253.897.421

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)Đơn vị tính: *Đồng***03. Trả trước cho người bán**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngắn hạn</i>	3.228.999.057	9.118.337.863
Công ty CP vận tải Vijasun Hà Nam	1.610.547.675	1.565.547.675
Công ty TNHH thương mại và đầu tư Tân Thịnh	473.612.501	-
Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	-	6.099.038.000
Thu đối tượng khác	1.144.838.881	1.453.752.188
Tổng cộng	3.228.999.057	9.118.337.863

04. Phải thu khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	10.835.653.888	-	144.080.497	-
- Cao Thị Thương (*)	7.471.000.000	-	-	-
- Nguyễn Việt Hà	2.689.000.000	-	-	-
- Trần Thị Miên (*)	298.653.888	-	48.318.182	-
- Phải thu chuyển nhượng vốn (**)	367.000.000	-	-	-
- Đối tượng khác	10.000.000	-	95.762.315	-
<i>b. Dài hạn</i>	-	-	43.479.425	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	43.479.425	-
Tổng cộng	10.835.653.888	-	187.559.922	-

(*) Là cá khoản cho vay ngắn hạn với lãi suất cho vay là 0%.

(**) Theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-KM-2019 ngày 27/12/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP Khang Minh Group, Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đã góp tại Công ty CP Đá quý Khang Minh. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa Công ty CP Khang Minh Group và bên nhận chuyển nhượng, giá trị chuyển nhượng được các bên thống nhất là 367.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**05. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá ghi số	Dự phòng	Giá ghi số	Dự phòng
Tổng công ty 36	9.172.677	9.172.677	-	-
CN Công Ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Nghiệp - XN Xây Dựng Số 7	25.282.292	25.282.292	-	-
Công ty TNHH Beta Media	7.692.250	7.692.250	7.692.250	7.692.250
Công ty TNHH Thương mại Sơn Hải	94.315.520	94.315.520	94.315.520	94.315.520
Công ty TNHH TM và XD Kim Việt	40.584.600	40.584.600	40.584.600	40.584.600
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ Thái Sơn	4.489.240	4.489.240	4.489.240	4.489.240
Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Hoa Việt	23.331.970	23.331.970	23.331.970	23.331.970
Công ty TNHH XD Thái Bình Dương	28.490.000	28.490.000	28.490.000	28.490.000
Công ty CP công trình Long Hưng	70.882.306	70.882.306	70.882.306	70.882.306
Công ty CP đầu tư xây dựng CTC	71.412.000	71.412.000	-	-
Tổng cộng	375.652.855	375.652.855	269.785.886	269.785.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

06. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.359.682.316	-	6.912.806.330	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	6.443.220	-
Thành phẩm	20.674.192.874	-	10.454.229.523	-
Hàng hóa	78.973.574	-	-	-
Tổng cộng	31.112.848.764	-	17.373.479.073	-

07. Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
a. Ngắn hạn	1.173.843.010	1.409.942.404
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	948.944.679	1.409.942.404
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	224.898.331	-
b. Dài hạn	20.371.531.671	13.201.151.058
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	1.480.509.240	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.289.024.910	319.945.997
Chi phí san lấp mặt bằng	16.601.997.521	12.881.205.061
Tổng cộng	21.545.374.681	14.611.093.462

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

a) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2019	01/01/2019
Công trình trạm nghiền đá	16.678.300	-
Xây dựng cơ bản dở dang	6.176.108.582	5.976.807.240
- Văn phòng làm việc	5.274.097.469	5.274.097.469
- Nhà kho	109.152.000	109.152.000
- Dự án khác	792.859.113	593.557.771
Tổng cộng	6.192.786.882	5.976.807.240

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**09. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu kỳ</i>	<i>27.470.350.515</i>	<i>65.071.840.272</i>	<i>13.969.759.081</i>	<i>847.772.727</i>	<i>1.961.887.273</i>	<i>109.321.609.868</i>
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>22.097.375.455</i>	<i>20.157.046.471</i>	<i>845.727.273</i>	<i>489.363.637</i>	<i>142.229.136</i>	<i>43.731.741.972</i>
- Tăng khác	22.097.375.455	20.157.046.471	845.727.273	489.363.637	142.229.136	43.731.741.972
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	<i>2.125.200.000</i>	-	-	-	<i>2.125.200.000</i>
- Phân loại lại	-	2.125.200.000	-	-	-	2.125.200.000
<i>Dư cuối kỳ</i>	<i>49.567.725.970</i>	<i>83.103.686.743</i>	<i>14.815.486.354</i>	<i>1.337.136.364</i>	<i>2.104.116.409</i>	<i>150.928.151.840</i>
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu kỳ</i>	<i>10.604.473.025</i>	<i>20.727.700.825</i>	<i>4.439.324.044</i>	<i>358.397.722</i>	<i>906.721.691</i>	<i>37.036.617.307</i>
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>2.801.337.989</i>	<i>7.103.766.330</i>	<i>1.932.897.861</i>	<i>13.435.192</i>	<i>229.535.788</i>	<i>12.080.973.160</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.801.337.989	7.103.766.330	1.932.897.861	13.435.192	229.535.788	12.080.973.160
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
<i>Giảm trong kỳ</i>	-	<i>237.880.832</i>	-	-	-	<i>237.880.832</i>
- Thanh lý, nhượng bán	-	237.880.832	-	-	-	237.880.832
<i>Dư cuối kỳ</i>	<i>13.405.811.014</i>	<i>27.593.586.323</i>	<i>6.372.221.905</i>	<i>371.832.914</i>	<i>1.136.257.479</i>	<i>48.879.709.635</i>
Giá trị còn lại						
<i>Đầu kỳ</i>	<i>16.865.877.490</i>	<i>44.344.139.447</i>	<i>9.530.435.037</i>	<i>489.375.005</i>	<i>1.055.165.582</i>	<i>72.284.992.561</i>
<i>Cuối kỳ</i>	<i>36.161.914.956</i>	<i>55.510.100.420</i>	<i>8.443.264.449</i>	<i>965.303.450</i>	<i>967.858.930</i>	<i>102.048.442.205</i>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 8.813.148.494 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Tại ngày 31/12/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	750.000.000	750.000.000	-
<i>Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh (*)</i>	-	-	-	750.000.000	750.000.000	-
Tổng cộng	-	-	-	750.000.000	750.000.000	-

(*) Vốn góp vào Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Khang Minh có giá trị 750.000.000 đồng tương ứng với 15% vốn góp được thoái toàn bộ theo Nghị quyết số 03/NQ/HĐQT/KM-2019 ngày 28/3/2019 của Hội đồng quản trị.

11. Phải trả người bán

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	49.412.821.065	49.412.821.065	24.494.645.891	24.494.645.891
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hà Mai	331.500.000	331.500.000	531.500.000	531.500.000
- Công ty CP Đoàn Minh Công	3.059.835.600	3.059.835.600	2.359.835.600	2.359.835.600
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	1.436.085.468	1.436.085.468	2.023.115.600	2.023.115.600
- Công ty CP Đầu Tư TM và DV Thăng Long	-	-	683.271.030	683.271.030
- Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	5.474.906.115	5.474.906.115	2.139.264.250	2.139.264.250
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Khang Minh	2.044.727.685	2.044.727.685	890.156.249	890.156.249
- Công ty CP Thương mại IDC Vạn Thành	1.113.433.798	1.113.433.798	2.366.938.198	2.366.938.198
- Công ty TNHH vận tải Trường Anh	4.693.906.760	4.693.906.760	1.647.400.100	1.647.400.100
- Công ty TNHH vận tải TM và DV Tiến Dũng	2.200.110.000	2.200.110.000	-	-
- Công ty TNHH Phương Lâm	7.810.187.687	7.810.187.687	553.119.170	553.119.170
- Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú Nguyễn	8.386.576.449	8.386.576.449	6.099.038.000	6.099.038.000
- Các đối tượng khác	12.861.551.503	12.861.551.503	5.201.007.694	5.201.007.694
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	49.412.821.065	49.412.821.065	24.494.645.891	24.494.645.891

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****a. Phải trả**

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.475.257.202	2.433.972.220	3.037.270.573	2.078.555.555
Thuế TNDN	1.552.399.627	1.552.399.627	1.605.267.835	1.605.267.835
Thuế TNCN	222.486.506	83.312.046	33.696.727	172.871.187
Các loại thuế khác		13.318.800	13.318.800	-
Tổng cộng	3.250.143.335	4.083.002.693	4.689.553.935	3.856.694.577

b. Phải thu

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Tiền thuê đất (*)	16.704.185.728	1.344.824	347.321.096	16.358.209.456
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	423.562.165	423.045.351	516.814
Thuế TNCN	1.127.790	1.127.790	-	
Tổng cộng	16.705.313.518	426.034.779	770.366.447	16.358.726.270

(*) Tiền thuê đất phải thu thực tế là tiền đền bù giải phóng mặt bằng GKM đã trả trước và được trừ dần vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm.

13. Phải trả khác

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a. Ngắn hạn	1.698.856.749	696.809.706
Kinh phí công đoàn	745.080.670	510.119.138
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	932.502.622	165.417.111
Các khoản phải trả phải nộp khác	21.273.457	21.273.457
<i>Quỹ phòng chống thiên tai</i>	<i>21.273.457</i>	<i>21.273.457</i>
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	1.698.856.749	696.809.706

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2019		Phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	38.754.066.778	38.754.066.778	125.386.270.707	114.455.862.315	49.684.475.170	49.684.475.170
Vay ngân hàng						
{1} Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Sở giao dịch	-	-	83.195.306.434	36.510.831.264	46.684.475.170	46.684.475.170
{2} Ngân hàng hợp tác	4.222.427.689	4.222.427.689	8.382.277.359	9.604.705.048	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	34.531.639.089	34.531.639.089	33.808.686.914	68.340.326.003	-	-
b. Vay dài hạn	15.836.918.901	15.836.918.901	33.464.992.200	14.108.737.704	35.193.173.397	35.193.173.397
Vay ngân hàng						
{3} Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN Sở giao dịch	-	-	2.523.992.200	1.322.700.933	1.201.291.267	1.201.291.267
Ngân hàng hợp tác - sở giao dịch	413.860.000	413.860.000		413.860.000	-	-
Ngân hàng TMCP quân đội - CN Hà Nam	3.596.051.775	3.596.051.775		3.596.051.775	-	-
{4} Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hà Thành	3.937.413.373	3.937.413.373		656.250.000	3.281.163.373	3.281.163.373
{5} Shinhan Bank	389.593.753	389.593.753	441.000.000	119.874.996	710.718.757	710.718.757
Ngân hàng TMCP An Bình CN Quảng Ninh	7.500.000.000	7.500.000.000	500.000.000	8.000.000.000	-	-
{6} Ngân hàng NN và PTNT - CN Đồng Văn Hà Nam II	-	-	30.000.000.000		30.000.000.000	30.000.000.000
Tổng cộng	54.590.985.679	54.590.985.679	158.851.262.907	128.564.600.019	84.877.648.567	84.877.648.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

- {1} {3} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 134/2019/HĐTD ngày 24/06/2019
- Hạn mức vay ngắn hạn: 51.663.000.000
 - Hạn mức vay trung dài hạn: 2.711.000.000
 - Lãi suất vay không cố định, được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ
 - Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 04/06/2019
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
 - Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Nhà số 60, ngõ 199 đường Hồ Tùng Mậu, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
 - + Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất 6, tờ bản đồ 25, cụm CN mở rộng Tây Nam TP Phủ Lý, P. Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
 - + Một số khoản phải thu
 - + Một số máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc quyền sở hữu của đơn vị

- {2} Khoản vay theo các Hợp đồng vay cụ thể bao gồm

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất
0100000020443014	09/12/2019	6 tháng	8,5%
0100000020482014	10/12/2019	6 tháng	8,5%
0100000020522014	11/12/2019	6 tháng	8,5%

- + Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba
- + Mục đích vay: Vay tiền để thanh toán các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

- {4} Khoản vay dài hạn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số SGO20170851/HĐTD ngày 13/06/2017;
- Hợp đồng số SGO20170852/HĐTD ngày 13/06/2017;
- Hợp đồng số SGO20170853/HĐTD ngày 13/06/2017;

Mục đích: đầu tư mua 3 căn hộ tại dự án D'.Capital làm văn phòng (thuyết minh số 08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;
Thời hạn vay: 60 tháng;
Lãi suất vay trong năm: 9,65%/năm.

- {5} Khoản vay bao gồm

- Hợp đồng tín dụng vay trung hạn số 814300004295 ngày 22/03/2018;
 - + Lãi suất bán cố định: 8,5%/năm;
 - + Thời hạn vay: 4 năm;
 - + Tài sản bảo đảm: Xe ô tô bán tải Pick Up cabin kép Ford Ranger XLS màu ghi xám biển số 29C-75
- Hợp đồng tín dụng vay trung hạn số SHBVN/RMC/2019/HĐTD-1629 ngày 06/12/2019
 - + Lãi suất bán cố định: 9,69 %/năm;
 - + Thời hạn vay: 5 năm;
 - + Tài sản bảo đảm: Xe ô tô tải Pick Up cabin kép Ford Ranger màu bạc biển số 51D-622.61

- {6} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2907-LAV-201901121 ngày 29/11/2019

- + Lãi suất: 10 %/năm; trả lãi 6 tháng một lần
- + Thời hạn vay: 102 tháng;
- + Tài sản bảo đảm: Toàn bộ tài sản gắn liền với đất của nhà máy sản xuất tấm đá ốp lát nhân tạo Conslab Thạch Anh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu"**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2018	45.000.000.000	-	19.185.398.544	-	64.185.398.544
- Tăng vốn trong năm trước	96.750.000.000	9.000.000.000			105.750.000.000
- Lãi năm trước	-		4.593.441.634		4.593.441.634
- Phân phối lợi nhuận năm trước			(6.750.000.000)		(6.750.000.000)
- Giảm khác	-	(288.940.909)	(31.941.985)		(320.882.894)
Số dư ngày 31/12/2018	141.750.000.000	8.711.059.091	16.996.898.193	-	167.457.957.284
Số dư ngày 01/01/2019	141.750.000.000	8.711.059.091	16.996.898.193	-	167.457.957.284
- Tăng vốn trong kỳ này (*)	7.087.090.000				7.087.090.000
- Lãi năm nay	-		2.724.653.821	(103.360.272)	2.621.293.549
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (*)			(7.087.090.000)		(7.087.090.000)
- Giảm khác	-	(5.000.000)		103.360.272	98.360.272
Số dư ngày 31/12/2019	148.837.090.000	8.706.059.091	12.634.462.014	-	170.177.611.105

(*) Trong năm 2019, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHCD-KM/2019 ngày 23/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 với tỷ lệ là 5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	31/12/2019	01/01/2019
Ông Đặng Việt Lê	33.526.500.000	31.930.000.000
Ông Lê Hoài An	7.497.000.000	7.140.000.000
Các cổ đông khác	107.813.590.000	102.680.000.000
Cộng	148.837.090.000	141.750.000.000

c) Tỷ lệ vốn góp của các thành viên

Thành viên	31/12/2019	01/01/2019
Ông Đặng Việt Lê	23%	22,53%
Ông Lê Hoài An	5%	5,04%
Các cổ đông khác	72%	72,43%
Cộng	100%	100%

d) Các giao dịch về vốn

	31/12/2019	01/01/2019
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	141.750.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	7.087.090.000	96.750.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ		
Vốn góp cuối kỳ	148.837.090.000	141.750.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.087.090.000	6.750.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.883.709	14.175.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.883.709	14.175.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.883.709	14.175.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	14.200.311	12.082.192
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUPKhu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***Mẫu số B 09-DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng hóa	21.892.626.518	
Doanh thu bán thành phẩm	133.988.535.390	127.834.987.410
Tổng cộng	155.881.161.908	127.834.987.410
Các khoản giảm trừ doanh thu trong đó	20.629.200	103.854.920
- Giảm giá hàng bán	14.978.400	84.263.070
- Hàng bán bị trả lại	5.650.800	19.591.850
Doanh thu thuần	155.860.532.708	127.731.132.490

02. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
Giá vốn bán hàng hóa	20.055.700.865	-
Giá vốn bán thành phẩm	112.046.267.614	107.228.073.571
Tổng cộng	132.101.968.479	107.228.073.571

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.825.996	3.786.740
Doanh thu hoạt động tài chính khác	90.532.745	
Tổng cộng	92.358.741	3.786.740

04. Chi phí tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	5.591.588.391	3.994.733.094
Lãi chậm trả nhà cung cấp	214.948.615	-
Tổng cộng	5.806.537.006	3.994.733.094

05. Chi phí bán hàng

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân công	2.677.874.520	3.189.870.644
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	264.244.988	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	92.635.174	64.921.640
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.551.040.051	1.586.360.624
Chi phí khác bằng tiền khác	244.054.150	91.959.091
Tổng cộng	5.829.848.883	4.933.111.999



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**06. Chi phí quản lý**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên quản lý	2.783.335.091	1.798.428.684
Chi phí đồ dùng văn phòng	135.702.622	59.822.420
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.540.242.946	168.091.016
Thuế, phí và lệ phí	255.013.057	17.638.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.622.968.936	1.307.378.792
Chi phí bằng tiền khác	416.392.691	1.218.169.432
Tổng cộng	6.753.655.343	4.569.528.410

07. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
Thanh lý Tài sản cố định	1.013.000.000	70.000.000
Thu nhập khác	3.000.000	
Tổng cộng	1.016.000.000	70.000.000

08. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thanh lý tài sản cố định	1.887.319.168	573.855.807
Tiền chậm nộp thuế, BHXH	162.114.410	148.305.750
Chi phí khác	200.886.776	211.469.338
Tổng cộng	2.250.320.354	933.630.895

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	1.605.267.835	1.552.399.627
Điều chỉnh chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này		
Tổng cộng	1.605.267.835	1.552.399.627

10. Thu nhập trên cổ phiếu

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế	2.724.653.821	4.593.441.634
Lợi nhuận dự kiến giữ lại để phân phối Quỹ KT, PL		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.724.653.821	4.593.441.634
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (cp)	14.200.311	12.082.192
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / cp)	192	380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân công	19.311.270.211	17.215.987.357
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.758.353.955	62.113.600.057
Chi phí khấu hao TSCĐ, CCDC	14.258.072.815	8.361.926.898
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.700.373.525	22.541.707.912
Chi phí khác bằng tiền	1.565.105.109	2.537.504.449
Tổng cộng	135.732.002.903	112.770.726.673

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Giao dịch đối với bên liên quan

Thông tin

Đối tượng

Quan hệ

Cá nhân

- Ông Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổ chức

- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh

Công ty con

Thu nhập của thành viên chủ chốt

Năm 2019

Năm 2018

Tiền lương, thưởng, phụ cấp

1.570.515.467

1.628.237.640

02. Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**Các công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.280.928.293		44.933.057.510	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.542.946.709	(375.652.855)	68.397.977.918	(269.785.886)
Cộng	123.823.875.002		113.331.035.428	

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019	01/01/2019
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	84.877.648.567	54.590.985.679
Phải trả người bán và phải trả khác	51.111.677.814	25.191.455.597
Cộng	135.989.326.381	79.782.441.276

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm/giá nguyên phụ liệu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)...

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm/giá mua nguyên phụ liệu

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Công ty quản lý loại rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị trường đầu ra và thị trường đầu vào nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng được cấp tín dụng. Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Rủi ro thanh khoản

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.280.928.293			29.280.928.293
Phải thu khách hàng và phải thu khác	81.902.312.710	12.640.633.999		94.542.946.709
Cộng tài sản tài chính	111.183.241.003	12.640.633.999		123.823.875.002
Vay và nợ	49.684.475.170	35.193.173.397		84.877.648.567
Phải trả người bán và phải trả khác	47.870.238.324	3.241.439.490		51.111.677.814
Cộng nợ phải trả tài chính	97.554.713.494	38.434.612.887		135.989.326.381
Tài sản tài chính thuần	13.628.527.509	(25.793.978.888)		(12.165.451.379)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Mẫu số B 09-DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Miền

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc



Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê



CPA VIETNAM

A member of  **MOORE** *Members in principal cities throughout the world*

Moore Global Network Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:

150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moore-global.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Global Network Limited and managed by Moore Asia Pacific (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn